

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1569/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 686/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Kim T, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Phước Lợi C, xã Phước H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Mậu Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: Huỳnh Văn Nghệ, Phường MH, quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Kim T trình bày:

Bà T và ông Trần Mậu Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có một con chung là Trần Cao Q V, sinh ngày 22/07/2005. Hạnh phúc gia đình kéo dài được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện nay tình cảm không còn, nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết ly hôn với ông Q.

Về con chung, có một con chung là Trần Cao Q V, sinh năm 2005, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có.

Bị đơn ông Trần Mậu Q thống nhất với những gì bà T đã trình bày về quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn giữa ông và bà T. Nay tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung, có một con chung là Trần Cao Q V, sinh năm 2005, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung ông xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Các đương sự bà T, ông Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Q là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự:

Bà Cao Kim T và ông Trần Mậu Q tự chung sống với nhau từ năm 2004, không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q không được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nay bà T và ông Q yêu cầu giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa bà T và ông Q là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà T, ông Q, đồng thời căn cứ vào Bản sao giấy khai sinh số 41 do Ủy ban nhân dân xã Phước H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long sao từ sổ đăng ký khai sinh ngày 09/06/2010 đã xác định bà T và ông Q có một con chung tên là Trần Cao Q V, sinh ngày 22/07/2005. Hiện nay Trần Cao Q V đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ giữa bà Cao Kim T và ông Trần Mậu Q là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông Q có một con chung tên là Trần Cao Q V, sinh ngày 22/07/2005. Hiện nay Trần Cao Q V đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Cao Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số: 0056886 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu Vp, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tô Văn Mạnh